

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 9  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 05/08/2025  
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Thị Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hồng và bà Lê Thị Hoà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26/04/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 14/07/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Hồ Đức K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*-Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/04/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà T kết hôn với ông K năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự

nguyện không bị ai ép buộc gì. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột kéo dài, đến năm 2021 thì ông K đã bỏ nhà ra đi. Bà T có liên lạc tìm kiếm nhưng không ai biết được thông tin gì của ông K. Đến đầu năm 2024, bà T làm đơn yêu cầu Tòa án huyện Cư Jut tuyên bố ông K mất tích, ngày 17/04/2024 Tòa án nhân dân huyện Cư Jut đã tuyên bố ông K mất tích theo quyết định số 02 ngày 17/04/2024. Do vậy, bà T đề nghị được ly hôn với ông Hồ Đức K.

*Về con chung:* Bà T và ông K có 03 con chung là cháu Hồ Trần Gia B, sinh ngày 31/08/2008; Hồ Trần Gia H, sinh ngày 31/12/2011; Hồ Trần Gia P, sinh ngày 10/09/2019. Bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Hồ Đức K:* Qua xác minh tại chính quyền địa phương, ông K có đăng ký hộ khẩu thường trú và không còn sinh sống tại thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Cư Jut ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2024/QDST – VDS, ngày 17/04/2024 về việc “Tuyên bố một người mất tích” đối với ông Hồ Đức K theo yêu cầu của bà Trần Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Hồ Đức K. Tuy nhiên ông K không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được với ông K, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị T đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn ông Hồ Đức K đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- + Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Hồ Đức K.
- + Về con chung: Giao con chung Hồ Trần Gia B, sinh ngày 31/08/2008; Hồ Trần Gia H, sinh ngày 31/12/2011 và Hồ Trần Gia P, sinh ngày 10/09/2019 cho bà T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- + Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng) giải quyết việc ly hôn với ông Hồ Đức K, ông K là bị đơn có nơi cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 14/7/2025 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T kết hôn với ông K 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột kéo dài, đến năm 2021 ông K bỏ nhà đi không chở về. Đến tháng

10/2023, bà T làm thủ tục yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông K. Ngày 17/4/2024, Tòa án nhân dân huyện Cư Jut ban hành quyết định tuyên bố một người mất tích số 02/2024/QĐST-VDS đối với ông K. Theo biên bản xác minh ngày 29/4/2025, Ban tự quản thôn A, xã Đ cho biết: Trước năm 2021, ông K sống tại thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, từ năm 2021 đến nay ông K không còn sinh sống tại địa phương, ông K đi đâu chính quyền địa phương không nắm được; đối với mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông K Ban tự quản thôn không nắm được mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng bà T, ông K.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Thanh X được quyền nuôi dưỡng cháu Hồ Trần Gia B, sinh ngày 31/08/2008; Hồ Trần Gia H, sinh ngày 31/12/2011 và Hồ Trần Gia P, sinh ngày 10/09/2019 thể hiện trách nhiệm người mẹ với con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái. Qua làm việc với cháu Hồ Trần Gia B và Hồ Trần Gia H thì cháu B và cháu H có nguyện vọng ở với bà T. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu B, cháu H và cháu P cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị T được ly hôn ông Hồ Đức K.

2. *Về con chung:* Giao con chung Hồ Trần Gia B, sinh ngày 31/08/2008; Hồ Trần Gia H, sinh ngày 31/12/2011 và Hồ Trần Gia P, sinh ngày 10/09/2019 cho bà Trần Thị Thanh trông N, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn bà Trần Thị T, ông Hồ Đức K có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Buộc bà Trần Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005468, ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Lâm Đồng).



5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND xã Quảng Tín, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thị Hương**

